

Bản án số: 27/2024/HS-ST
Ngày 11 tháng 7 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Lâm Bảo Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Phương

Nơi công tác: Giáo viên - Trường THCS Phú Hưng

2. Bà Trần Ngọc Anh

Nơi công tác: Cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vinh là Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

La Chí Dĩ sinh ngày 06/02/2007, nơi sinh tại **huyện P, tỉnh An Giang**; nơi cư trú: **ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang**; nghề nghiệp: học sinh; trình độ văn hoá (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Đạo Phật giáo Hòa Hảo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông **La Thanh D** sinh năm 1970 và bà **Dương Thị B** sinh năm 1973; anh chị em ruột có 4 người, bị cáo là người thứ ba. Tiền án, tiền sự: chưa. Bị cáo **D1** bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/4/2024 cho đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Phạm Minh T** là Trợ giúp viên pháp lý thuộc **Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh A**. có mặt

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo **La Chí D2** : Ông **La Thanh D**, sinh năm 1971 và bà **Dương Thị B**, sinh năm 1972 cùng nơi cư trú: **ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang**. (Ông **D** có mặt, bà **B** vắng mặt)

- Bị hại: Ông **Nguyễn Quốc T1**, sinh năm 1996 nơi cư trú: **Khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang**, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1988 nơi cư trú: **ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang**, có mặt.

2. Anh **Trần Bình T2**, sinh ngày 05/3/2006 nơi cư trú: **ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang**, có mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông **Đỗ Trường G**, vắng mặt;
2. Ông **Nguyễn Thanh T3**, vắng mặt;
3. Bà **Trần Thị Đ**, vắng mặt;
4. Ông **Nguyễn Văn H**, vắng mặt;
5. Bà **Phạm Thị Á**, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 09/3/2024, Tổ Cảnh sát giao thông - **Công an huyện P**, gồm đồng chí Thiếu tá **Đỗ Trường G**, đồng chí Trung úy **Nguyễn Thanh T3**, đồng chí Trung úy **Nguyễn Quốc T1** tuần tra, kiểm soát đảm bảo trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn các xã, thị trấn của **huyện P, tỉnh An Giang** theo Kế hoạch công tác tuần số 10/KH-TTKS ngày 03/3/2024 của Đội Cảnh sát Giao thông, trật tự - **Công an huyện P**. Khi đến khu vực **ấp H, xã H, huyện P** thì lực lượng Cảnh sát giao thông phát hiện **La Chí D2**, sinh ngày 04/02/2007 cư trú **ấp H, xã H**, điều khiển xe mô tô biển số 67K1-984.59 không có gương chiếu hậu bên trái, nên đồng chí **G** ra hiệu lệnh dừng phương tiện để kiểm tra. Khi thấy lực lượng Cảnh sát giao thông ra hiệu dừng xe thì **D2** giảm tốc độ xe lại và định quay đầu xe bỏ chạy, nhưng do đồng chí **G, T1** chạy đến để ngăn cản nên **D2** tăng ga với mục đích đâm thẳng hướng vào người của đồng chí **G, T1**, cho đồng chí **G, T1** sợ mà tránh né để **D2** bỏ trốn. Khi **D2** điều khiển xe đâm thẳng đến thì đồng chí **G** né tránh kịp thời, không bị thương tích; còn đồng chí **T1** không kịp né tránh nên bị va chạm ngã xuống mặt đường bị rách da mí mắt, chân mảy bên

trái và sây sát vùng mặt, tay, chân, được đưa đi cấp cứu, điều trị tại Trung tâm Y tế huyện P. Đến ngày 12/3/2024, T1 ra viện và có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với D2.

Kết luận giám định tổn thương trên cơ thể người sống số 214/24/KLTTCT-TTPY ngày 27/3/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh A, ghi nhận thương tích của Nguyễn Quốc T1: Sẹo cung mày trái nằm trong chân mày, nằm ngang, kích thước (4x0,2)cm, là sẹo có kích thước nhỏ tỷ lệ là 01%; Sẹo mi trên mắt trái, kích thước (1,5x0,2)cm, là sẹo có kích thước nhỏ tỷ lệ là 03%; Sung bầm quanh mắt trái và má trái hiện tại không để lại thương tích; Sây sát da má phải hiện tại không để lại thương tích; 02 vết sây sát da mặt lưng bàn tay phải để lại vết biến đổi sắc tố: Vết 01 phía ngón III kích thước (0,4x0,2)cm tỷ lệ là 0,5%; Vết 02 phía ngón IV kích thước (0,3x0,2)cm tỷ lệ 0,5%; Sây sát da mặt lưng đốt 1 ngón III bàn tay phải để lại vết biến đổi sắc tố da kích thước (0,2x0,2)cm tỷ lệ 0,5%; Sây sát da mặt lưng liên đốt 1 - 2 ngón IV bàn tay phải để lại vết biến đổi sắc tố da kích thước (0,7x0,2)cm tỷ lệ 0,5%; Sung bầm mặt trước gối phải hiện tại không để lại thương tích. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do tất cả thương tích gây nên hiện tại là 06%. Kết luận khác: Thương tích do vật tày gây nên.

Cáo trạng số 24/CT-VKSPT ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đã truy tố bị cáo La Chí D2 ra trước Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang để xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a, k khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi như cáo trạng đã truy tố, xin giảm nhẹ hình phạt do tuổi trẻ nông nổi, nhất thời không lường trước được hậu quả xảy ra, ăn năn hối cải và chịu trách nhiệm về hành vi đã gây ra.

Bị hại và người làm chứng vắng mặt nhưng quá trình điều tra đều khai nhận phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Bị hại đề nghị xử lý hình sự bị cáo D2 theo quy định của pháp luật; không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, k khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 5 Điều 65, Điều 90, Điều 91 Bộ luật Hình sự:

Về trách nhiệm hình sự: Xử phạt bị cáo La Chí D2 từ 09 tháng tù đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02

năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”, giao cho Ủy ban nhân dân xã H giám sát, giáo dục.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại 01 xe mô tô và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67K1-984.59 cho bà Nguyễn Thị Cao .

Về trách nhiệm dân sự: Không.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu tranh luận: Thống nhất với tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân truy tố bị cáo La Chí D2. Tuy nhiên, bị cáo khi phạm tội là người chưa thành niên, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo không có tiền tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng và hiện đang đi học nên đề nghị để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, không nên tước đoạt tự do của bị cáo nhằm mục đích giúp bị cáo được tiếp tục việc học, tự cải tạo có sự giám sát nhà trường và gia đình, thể hiện sự nhân văn trong quyết định hình phạt nhằm tạo điều kiện cho bị cáo được hoà nhập cộng đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp nhất và cho hưởng án treo như đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về Quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Trong giai đoạn điều tra và truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Xét thấy bị hại, người làm chứng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai nhận của bị cáo trong giai đoạn điều tra nên việc vắng mặt bị hại, người làm chứng không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[2] Về trách nhiệm hình sự:

[2.1] Lời khai nhận của bị cáo **La Chí D2** tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra; phù hợp với vật chứng thu thập được và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở kết luận:

La Chí D2 điều khiển xe mô tô biển số 67K1-984.59 không có gương chiếu hậu bên trái khi thấy lực lượng Cảnh sát giao thông ra hiệu dừng xe, thì **D2** giảm tốc độ xe lại và định quay đầu xe bỏ chạy, nhưng khi đồng chí **G, T1** chạy đến ngăn cản thì **D2** tăng ga với mục đích đâm thẳng hướng vào người của **G, T1** nhằm sợ mà tránh né cho **D2** bỏ trốn; **G** né tránh kịp thời, không bị thương tích; còn **T1** không kịp né tránh nên bị va chạm ngã xuống mặt đường bị rách da mí mắt, chân mày bên trái và sây sát vùng mặt, tay, chân bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 6%. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân truy tố bị cáo **D2** về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a, khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Bị cáo **D2** là người dưới 18 tuổi nhưng có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm về tội phạm bị cáo thực hiện. Bị cáo biết rõ việc gây thương tích cho người khác sẽ là tội phạm, vì muốn trốn thoát việc bị xử phạt vi phạm hành chính khi chưa đủ tuổi để điều khiển xe mô tô có dung tích trên 75cm³, xe không có gương chiếu hậu nên bị cáo cố ý đụng xe vào các Cảnh sát giao thông đang làm nhiệm vụ, hậu quả là gây ra tổn thương cơ thể cho bị hại. Hành vi bị cáo là gây nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng đến sức khỏe người khác, bị cáo nhận thức được các đồng chí Công an đang thi hành công vụ nhưng vẫn cố ý thực hiện, nên cần phải có hình thức xử lý tương xứng với độ tuổi của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[2.3] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội,

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo **D2** không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại thời điểm phạm tội bị cáo dưới 18 tuổi và đang còn đi học. Do vậy, bị cáo được áp dụng các quy định

đảm bảo lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi phạm tội và cũng xem xét quyết định hình phạt vừa mang tính giáo dục, răn đe, phòng ngừa vừa là cơ hội cho bị cáo tiếp tục việc học nhằm mang tính hướng thiện giúp bị cáo thay đổi làm người có ích sau này cho xã hội, đây cũng là cơ hội để bị cáo phấn đấu sửa chữa lỗi lầm. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng để giáo dục, cải tạo đối với bị cáo cũng như vẫn đảm bảo công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

Bị cáo **D2** chưa đủ tuổi nhưng điều khiển xe mô tô biển số 67K1-984.59 (có dung tích trên 75cm³), không có gương chiếu hậu bên trái và bà **Nguyễn Thị C** là chủ xe mô tô biển số 67K1-984.59 giao xe cho người không đủ điều kiện điều khiển, thay đổi màu sơn xe, là vi phạm Luật Giao thông đường bộ, nên đã chuyển xử lý hành chính theo quy định.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét giải quyết.

[4] Về xử lý vật chứng: Trả lại chiếc xe mô tô biển số 67K1 -984.59 hiệu Vario 150 màu đen và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 67007182 cho chủ sở hữu xe là bà **Nguyễn Thị Cao**.

[5] Về án phí: Bị cáo **D2** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **La Chí D2** phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”;

Căn cứ vào điểm a, k khoản 1 Điều 134, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65, Điều 90, Điều 91 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **La Chí D2** 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 11/7/2024).

Giao bị cáo **La Chí D2** cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện P giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo **La Chí D2** thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019 để giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù theo bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho bà **Nguyễn Thị C** 01 xe mô tô biển số 67K1 - 984.59, số máy KF41E2210811, số khung MH1KF4124MK206800, số loại Vario 150 màu đen, bị hư hỏng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 67007182, biển số 67K1 - 984.59 do **Công an huyện P** cấp ngày 21/12/2021.

(Vật chứng trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06/6/2024).

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo **D2** phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND H. Phú Tân;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp;
- Nhà Tạm giữ Công an H. Phú Tân;
- Trại Tạm giam – Công an tỉnh An Giang;
- CQTHAHS Công an H. Phú Tân;
- CQĐT Công an H. Phú Tân;
- Chi cục THADS H. Phú Tân;
- Bộ phận THAHS Tòa án;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Lâm Bảo Ngọc

- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi,
nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.